

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ML
TỈNH SL

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 20/2021/HNGĐ-ST
Ngày 21-6-2021.
V/v: Ly hôn giữa chị C và anh
Q.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ML, TỈNH SL

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1 – Ông Quàng Văn Mãng.

2 – Bà Nguyễn Thị Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Quàng Công Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện ML, tỉnh SL.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ML tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Công - Kiểm sát viên.

Ngày 21/6/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ML, tỉnh SL, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 78/2021/TLST-HNGĐ ngày 12/4/2021 về việc: Tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị TTC, sinh 1992, trú tại: Bản C, xã MB, huyện ML, tỉnh SL. Có đề nghị xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh LVQ, sinh 1987, trú tại: Bản C, xã MB, huyện ML, tỉnh SL. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/4/2021 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị TTC trình bày:

Chị và anh LVQ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, ngày 09/02/2010 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã MB, huyện ML, tỉnh SL. Cuộc sống chung hạnh phúc đến năm 2019 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh LVQ không chăm lo xây dựng gia đình, đi vào con đường nghiện ma túy. Mặc dù đã được gia đình hai bên khuyên can nhưng không khắc phục được. Từ đó hai người sống ly thân đến nay không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Chị TTC xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu được ly hôn anh LVQ.

Về con chung: Có hai con là LNL, sinh ngày 16/01/2009, LTB, sinh ngày 05/12/2012. Nguyên vọng chị muốn được nuôi tất cả các con, hiện nay các con đều đang ở với chị, công việc của chị thu nhập khoảng 8.000.000, đồng tháng, không yêu cầu anh LVQ phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, riêng, nợ: Điều không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh LVQ từ chối trình bày: Căn cứ vào ý kiến của cơ sở và các tài liệu xác nhận quan hệ hôn nhân giữa chị TTC và anh LVQ. Xác nhận nguyên nhân mâu thuẫn phù hợp với lời khai của nguyên đơn chị TTC. Xác định nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng như chị TTC trình bày là đúng.

Về con chung: Có hai con là LNL, sinh ngày 16/01/2009, LTB, sinh ngày 05/12/2012.

Về tài sản chung, riêng, nợ: Điều không có.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Việc áp dụng pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng quy định.

Về nội dung:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Tòa án:

Có căn cứ để xử cho chị TTC được ly hôn anh LVQ.

Về con chung: Giao cho chị TTC trực tiếp nuôi hai con là LNL, sinh ngày 16/01/2009, LTB, sinh ngày 05/12/2012. Chị TTC không yêu cầu anh LVQ phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Điều không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị TTC chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật. Tòa án phân tích, đánh giá, nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh LVQ sau khi được thông báo về việc thụ lý vụ án, đã từ chối khai trình bày nguyên vọng, anh LVQ đã được cấp tổng đạt các văn bản tố tụng có xác nhận của Ủy ban nhân xã MB, huyện ML và đã triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, theo quy định của điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự có đủ căn cứ xử vắng mặt anh LVQ.

Chị TTC có đơn đề nghị được xử vắng mặt, theo quy định của Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự có đủ căn cứ xử vắng mặt hai đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị TTC và anh LVQ có đăng ký kết hôn, có tìm hiểu, tự nguyện là đúng pháp luật. Cuộc sống chung hoà thuận thời gian đầu, mâu thuẫn vợ chồng chủ yếu do anh LVQ không chăm lo xây dựng gia đình, đi vào con đường nghiện ma túy. Hai người đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay, không quan tâm đến cuộc sống của nhau, xét mâu thuẫn vợ chồng không khắc phục được là có căn cứ.

Xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng chị TTC và anh LVQ đã được gia đình khuyên giải, đã kéo dài, trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nay chị TTC yêu cầu được ly hôn là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Cần chấp nhận xử cho chị TTC được ly hôn anh LVQ.

[3] Về con chung: Căn cứ điều kiện hiện nay các cháu đang ở với chị TTC, do anh LVQ nghiện ma túy, cần giao các cháu cho chị TTC trực tiếp nuôi hai con là LNL, sinh ngày 16/01/2009, LTB, sinh ngày 05/12/2012, là đúng nguyện vọng của các cháu. Chị TTC không yêu cầu anh LVQ phải cấp dưỡng nuôi con, theo quy định của các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về tài sản chung, nợ chung: Đều không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị TTC chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Tòa án:

1. Xử cho chị TTC được ly hôn anh LVQ.

2. Về con chung: Giao cho chị TTC trực tiếp nuôi hai con là LNL, sinh ngày 16/01/2009, LTB, sinh ngày 05/12/2012. Chị TTC không yêu cầu anh LVQ phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Đều không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị TTC phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000, đồng (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002169 ngày 12/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ML, tỉnh SL.

Chị TTC, anh LVQ được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh SL;
- VKSND huyện ML (2);
- Chi cục THADS huyện ML;
- UBND xã MB, huyện ML (để vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự (2);
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nguyễn Minh Tuấn

